

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

ĐỖ THỊ KIM TIÊN

**PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG
GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

ĐỖ THỊ KIM TIÊN

**PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG
GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 62 38 01 07

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Dương Đăng Huệ

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu nêu trong luận án là trung thực. Những kết luận khoa học của luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Đỗ Thị Kim Tiên

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
<i>Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU</i>	9
1.1. Tình hình nghiên cứu lý luận về bình đẳng, quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp và pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	9
1.2. Tình hình nghiên cứu thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	13
1.3. Các công trình nghiên cứu đề cập giải pháp bảo đảm quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	23
1.4. Đánh giá chung tình hình nghiên cứu các công trình liên quan đến luận án	28
<i>Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP</i>	32
2.1. Quan niệm về bình đẳng giữa các doanh nghiệp	32
2.2. Quan niệm về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	45
2.3. Ý nghĩa của việc thực hiện quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	53
2.4. Vai trò của pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	57
2.5. Những yếu tố chi phối hệ thống pháp luật và quá trình thực thi pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	64
<i>Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP</i>	74
3.1. Thực trạng pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	74
3.2. Thực trạng thực thi pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp ở Việt Nam	106
3.3. Nguyên nhân gây bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp ở Việt Nam	116

3.4.	Hệ quả của bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp	123
	Chương 4: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN BÌNH ĐẲNG GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM	128
4.1.	Hoàn thiện nội dung quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	129
4.2.	Hoàn thiện các quy định pháp luật về thiết chế bảo đảm quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp	149
	KẾT LUẬN	159
	CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	162
	DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	163

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BĐGCDN	: Bình đẳng giữa các doanh nghiệp
CBXH	: Công bằng xã hội
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
DNTN	: Doanh nghiệp tư nhân
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
ĐKKD	: Đăng ký kinh doanh
KTTT	: Kinh tế thị trường
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
3.1	Báo cáo các vụ vi phạm theo Điều 159 - chương xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	108
3.2	Báo cáo các vụ vi phạm theo Điều 279, 289 về tội đưa, nhận hối lộ	109

DANH MỤC CÁC HÌNH

Số hiệu hình	Tên hình	Trang
2.1	Mô phỏng các mối quan hệ tạo ra bình đẳng hoặc bất BÐGCDN	39

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài nghiên cứu

Doanh nghiệp là một trong những yếu tố cấu thành của mọi hệ thống kinh tế. Trong nền kinh tế quốc dân, doanh nghiệp là chủ thể cơ bản của thị trường, có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng. Doanh nghiệp đóng góp chủ yếu cho ngân sách nhà nước, bổ sung nguồn dự trữ quốc gia và khai thác nâng cao giá trị của tài nguyên thiên nhiên. Ở Việt Nam, khi thừa nhận phát triển kinh tế nhiều thành phần, doanh nghiệp chính là hoạt động sống của các thành phần kinh tế, tạo ra tăng trưởng. Với hoạt động sản xuất, kinh doanh đa dạng, doanh nghiệp có mặt trong nhiều ngành, nghề, lĩnh vực và tác động đến sự hình thành các loại thị trường. Vì lẽ đó, một quốc gia chỉ có thể kiểm soát được nền kinh tế bắt đầu từ hệ thống doanh nghiệp.

Để phát triển kinh tế, hầu hết các quốc gia trên thế giới đã lựa chọn mô hình kinh tế thị trường (KTTT), nhằm sử dụng sức mạnh của quy luật cạnh tranh làm động lực phát triển. Cơ sở để quy luật cạnh tranh được vận hành là quyền tự do kinh doanh và quyền BDGCDN được bảo đảm. Chỉ trong điều kiện kinh doanh bình đẳng, doanh nghiệp mới có cơ hội kinh doanh bằng chính thực lực của mình và cạnh tranh được vận hành đúng với bản chất của nó. Từ đây, những doanh nghiệp yếu kém được loại bỏ, lành mạnh hóa nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển. Vì thế, đảm bảo môi trường kinh doanh BDGCDN vừa là nguyên tắc, vừa là giá trị phổ biến của KTTT. Việc nhà nước thực hiện chính sách ưu tiên, bảo trợ về vốn, đất đai, tài nguyên cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và sử dụng DNNN làm công cụ điều tiết nền kinh tế trong nhiều năm qua là mâu thuẫn với nguyên tắc bình đẳng, đi ngược KTTT. Đồng thời, tính không hiệu quả của DNNN cũng chưa giải thích được tác dụng thực tế của những chính sách ưu tiên đó. Vấn đề vướng mắc hiện nay cả về lý luận và thực tiễn trong phát triển KTTT định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCH) ở Việt Nam là làm thế nào để kinh tế nhà nước nắm vai trò chủ đạo nhưng vẫn bảo đảm sự bình đẳng giữa DNNN với các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

Ngày 7/11/2006, cùng với việc ký kết gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam đồng thời phải ký vào bản cam kết chấp nhận bị coi là nền

kinh tế phi thị trường (non - market economy, hay NME) trong 12 năm, kể từ ngày gia nhập. Trong các quy định của GATT và WTO không có quy định về tiêu chí NME hay KTTT. Tuy nhiên, các quy định này được xây dựng dựa trên những nguyên tắc của thị trường. Hệ thống nguyên tắc này đòi hỏi các nước gia nhập WTO phải cam kết cải cách kinh tế theo hướng thị trường, tuân thủ yêu cầu về thương mại không phân biệt đối xử, đảm bảo quyền BĐGCDN. Do đó, để trở thành nền KTTT không muộn hơn năm 2019, đáp ứng yêu cầu hội nhập, Việt Nam cần phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng tuân thủ các quy luật thị trường, đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng cho doanh nghiệp. Cùng với điều này, trong các đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) cũng coi quyền BĐGCDN là vấn đề cần được bảo đảm.

Trong thực tế, quan điểm về bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, giữa các doanh nghiệp đã được Đảng và Nhà nước quan tâm từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), được triển khai trong Hiến pháp 1992 và trong các đạo luật. Chính phủ cũng đã phê duyệt Đề án 1715/2009/QĐ-TTg ngày 26/10/2009 nhằm đổi mới quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp theo hướng không phân biệt hình thức sở hữu. Tuy nhiên, đi ngược với mục tiêu của nhà nước, trên thực tế, bất BĐGCDN không giảm mà đang có xu hướng gia tăng, với tính chất ngày càng đa dạng và phức tạp. Vẫn tồn tại nhiều sự phân biệt, đối xử doanh nghiệp ngay từ khi gia nhập thị trường, trong quá trình kinh doanh và trong giải thể, phá sản doanh nghiệp. Các DNNN kinh doanh độc quyền trong nhiều lĩnh vực, vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc thị trường. Một số tập đoàn kinh tế nhà nước được ưu tiên, bảo lãnh, khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ. Có những DNNN kinh doanh thua lỗ được sáp nhập vào tổng công ty nhà nước, giao trách nhiệm cứu vớt cho các thành viên khác mà không bị phá sản. Việc tiếp cận các dịch vụ công, nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ, tiếp cận nguồn tài nguyên, đất đai của DNNN có nhiều thuận lợi, trong khi các doanh nghiệp thuộc kinh tế tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) còn tiếp tục gặp phải những rào cản về điều kiện kinh doanh, vay vốn, thuê đất,... Không chỉ tồn tại những bất bình đẳng do chính sách của nhà nước tạo ra, thực trạng các doanh nghiệp cạnh tranh không lành mạnh, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng lậu, trốn

thuế đang ngày càng gia tăng, vượt khỏi tầm kiểm soát của nhà nước cũng tạo ra bất bình đẳng, gây thiệt hại cho các doanh nghiệp kinh doanh chân chính.

Theo nghĩa khách quan, doanh nghiệp nào quản lý kinh doanh yếu kém, không cạnh tranh được tất yếu bị thanh lọc khỏi thị trường do chính sự vận động của quy luật cạnh tranh. Tuy nhiên, thực tế có những doanh nghiệp quản lý kinh doanh tốt, tôn trọng pháp luật chưa hẳn đã chiến thắng trên thương trường. Trong khi đó, doanh nghiệp quản trị yếu kém, thậm chí thua lỗ, vi phạm pháp luật nghiêm trọng vẫn có thể không bị giải thể hay phá sản. Lợi nhuận của doanh nghiệp vẫn có thể đạt được bằng những ưu tiên của nhà nước, bằng trốn thuế, kinh doanh trái phép. Trong môi trường kinh doanh đòi hỏi nhiều chi phí bất hợp pháp, tham nhũng, hối lộ để nhận được ưu tiên, hoặc làm hàng giả, cạnh tranh không lành mạnh nhằm tối đa hóa lợi nhuận mà không bị xử lý đều là những hành vi gây ra bất bình đẳng giữa các doanh nghiệp. Với môi trường kinh doanh bất bình đẳng, lợi nhuận không phản ánh được giá trị đích thực của hoạt động sản xuất kinh doanh. Điều đó làm nản lòng các nhà đầu tư, giảm động lực kinh doanh của doanh nghiệp và suy giảm tăng trưởng kinh tế. Sự nỗ lực của nhà nước Việt Nam trong những năm qua mới chỉ tập trung vào việc làm giảm bớt những ưu tiên, đặc quyền đối với DNNN mà chưa có giải pháp tổng thể, do đó chưa đem lại hiệu quả thực tế.

Trước những đòi hỏi từ nội tại nền kinh tế và yêu cầu của những cam kết quốc tế, việc nghiên cứu các quy định pháp luật, đánh giá quá trình thực thi nhằm xác định đúng nguyên nhân và đưa ra giải pháp phù hợp, đảm bảo quyền BĐGCDN là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Chính vì lẽ đó, tác giả luận án đã chọn vấn đề "***Pháp luật về quyền bình đẳng giữa các doanh nghiệp ở Việt Nam***" làm đề tài nghiên cứu.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

- Đối tượng nghiên cứu: Luận án nghiên cứu hệ thống pháp luật và việc thực thi pháp luật về quyền BĐGCDN ở Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Luận án nghiên cứu một cách toàn diện về hệ thống pháp luật Việt Nam, đánh giá đầy đủ, khách quan, nhận định chính xác pháp luật về quyền BĐGCDN ở Việt Nam hiện nay.